

Bản án số: 85/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Mạnh T

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị B

- Ông Nguyễn Phi M

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng H - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H gia phiên toà: Bà Hồ Thị K - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 811/2019/ TLST- HNGĐ ngày 20/8/2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 102a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Bùi Quốc V**, sinh năm 1974; HKTT: Xóm 4, G, tổ 27, phường L, quận H, Hà Nội;

- **Bị đơn:** Chị **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm:1986; HKTT: Xóm 4, G, tổ 27, phường L, quận H, Hà Nội;

(Anh V có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Về quan hệ hôn nhân: Tại Đơn ly hôn và những lời khai tiếp theo của anh Bùi Quốc V trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thể hiện: Anh Bùi Quốc V và chị Trần Thị Mỹ T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, H(nay là phường L, quận H, H) vào ngày 15/8/2003. Sau khi kết hôn anh V và chị T sống tại tổ 27, phường L, quận H, H. Quá trình sống vợ chồng có nhiều mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc ,chị T đã bỏ đi từ năm 2014, không có trách nhiệm với gia đình, không trông nom con cái. Thỉnh thoảng chị T có gọi điện nói chuyện với các con nhưng không cho biết địa chỉ của chị T hiện nay đang ở đâu. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Mỹ T.

Về con chung: Anh V xác định, anh và chị T có 02 con chung là cháu Bùi Trọng Đ, sinh ngày 15.5.2008 và Bùi Phú T, sinh ngày 03.4.2003; ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con vì chị T bỏ nhà đi và không có trách nhiệm với các con nhiều năm nay.

Về tài sản chung(Động sản và bất động sản): anh V xác định anh và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: anh Việt xác định anh và chị T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của chị T, kết quả thể hiện: chị T không có mặt tại địa chỉ tổ 27, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội; do khi đi khỏi nơi cư trú chị T không khai báo nên hiện chị T ở đâu cảnh sát khu vực không nắm được.

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai cũng đã đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Công lý, Đài tiếng nói Việt Nam, Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Tối cao trong 3 số liên tiếp với nội dung tìm kiếm, thông báo cho chị Trần Thị Mỹ T biết về việc Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đang thụ lý giải quyết vụ án Ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Bùi Quốc V đối với chị Trần Thị Mỹ T và yêu cầu chị T đến Tòa án nhân dân quận H để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.Tuy nhiên đến nay, chị T vẫn không cung cấp thông tin về nơi ở của mình đối với anh V và các con cũng như không đến giải quyết vụ án Ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Tại phiên tòa: Anh V có mặt, chị T vắng mặt. Anh V vẫn giữ nguyên quan điểm như tại Đơn xin ly hôn và các ý kiến như đã trình bày tại Tòa án như trên. Ngoài ra, anh V không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh V về việc ly hôn; chấp nhận cho anh V được ly hôn chị T; Con chung: Giao con chung của anh V và chị T là cháu Bùi Trọng Đ, sinh ngày 15.5.2008 và Bùi Phú T, sinh ngày 03.4.2003 cho anh V được nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với chị T; Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không giải quyết; Anh V phải chịu án phí LHST.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trước khi bỏ đi khỏi nơi cư trú, chị Trần Thị Mỹ T có nơi cư trú tại: tổ 27, phường L, quận H, H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2].Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ T vắng mặt tại nơi cư trú, chị vẫn liên lạc với gia đình nhưng không ai biết địa chỉ của chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai cũng đã đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng 3 số liên tiếp yêu cầu chị T đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai để giải quyết vụ án Ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Quốc V. Nhưng đến nay chị T vẫn không đến Tòa án làm việc.

Tòa án cũng tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật đối với các văn bản tố tụng của tòa án: Thông báo thụ lý, Giấy báo, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 06.11.2019, Tòa án nhân dân quận H mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Ly hôn giữa anh V và chị T. Chị T vắng mặt lần thứ nhất.

Ngày 25.11.2019, chị T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Việc Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Anh Bùi Quốc V và chị Trần Thị Mỹ T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội(nay là phường L, quận H, Hà Nội) vào ngày 15/8/2003. Vì vậy, Hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh V và chị T sống tại tổ 27, phường L, quận H, Hà Nội. Quá trình sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc ,chị T đã bỏ đi từ năm 2014, không có trách nhiệm với gia đình, không trông nom con cái. Thỉnh thoảng chị T có gọi điện nói chuyện với các con nhưng không cho biết địa chỉ của chị T hiện nay đang ở đâu.

Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn và đã từ rất lâu vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị Bùi Thị Kim Nga- chị gái anh V; chị Nga cho biết anh V và chị T là vợ chồng từ năm 2003, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị T đã bỏ nhà đi và không quan tâm đến gia đình, chồng con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh V và chị T được ly hôn vì anh V và chị T không còn tình cảm với nhau từ nhiều năm nay.

Tại các lời khai của các con chung của anh V và chị T là cháu Bùi Trọng Đ và Bùi Phú T đều thể hiện chị T đã bỏ nhà đi từ rất nhiều năm nay, thỉnh thoảng chị vẫn gọi điện về cho các con nhưng không cho biết địa chỉ của chị ở đâu.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị T là trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được. Anh V và chị T đã sống ly thân nhiều năm nay. Anh chị không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V và xử cho anh V được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh V xác định, anh V và chị T có 02 con chung: Bùi Trọng Đạt, sinh ngày 15.5.2008 và Bùi Phú Trọng, sinh ngày 03.4.2003; Chị T đã bỏ nhà đi từ lâu, không có trách nhiệm với các con nhiều năm nay. Anh V có nguyện được nuôi cả hai con chung. Vì vậy, giao cho anh V được trực tiếp nuôi cả 2 con chung là cháu Đạt và cháu Trọng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T.

Về tài sản chung(Động sản và bất động sản): anh V xác định anh V và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: anh Việt đều xác định anh V và chị T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Quốc V đối với chị Trần Thị Mỹ T.

1. Anh Bùi Quốc V được ly hôn chị Trần Thị Mỹ T.

2.Con chung: Xác nhận anh V và chị T có 02 con chung: Bùi Trọng Đ, sinh ngày 15.5.2008 và Bùi Phú T, sinh ngày 03.4.2003. Giao cho anh V trực tiếp nuôi cả 2 con chung là cháu Đ và cháu T, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T.

Chị T đ-ợc quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3.Tài sản chung: anh V xác nhận anh V và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4.Về nợ chung: anh V xác nhận anh V và chị T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp tại Biên lai số 0004593 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án quận Hoàng Mai.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Việt, vắng mặt chị T. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Mạnh T

